TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DS-PT
Ngày: 24-01-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 294/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1024/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngọc L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tăng Văn H, sinh năm 1970 – là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2023) (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc L trình bày:

Vào ngày 05/10/2021, bà L1 có mượn của bà số tiền 60.000.000 đồng, không tính lãi suất, thoả thuận thời hạn mượn là 04 tháng, biên nhận nợ ngày 05/10/2021 là do bà L1 viết và ký tên.

Ngoài ra, trước đây bà L1 còn nợ bà số tiền 12.900.000 đồng.

Tổng số tiền bà L1 còn nợ bà là 72.900.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà L1 trả cho bà số tiền nợ là 72.900.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu bà L1 trả lãi đối với số tiền trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà L1 trả số tiền 32.900.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà hoàn toàn không có vay tiền của bà L mà bà chỉ có vay tiền của bà D. Bà đã vay số tiền 40.000.000 đồng chứ không phải 60.000.000 đồng như theo đơn khởi kiện. Khi vay hai bên thoả thuận bà góp mỗi ngày 800.000 đồng (bao gồm vốn và lãi), góp trong vòng 04 tháng là xong số tiền vốn và lãi. Biên nhận nợ đề ngày 05/10/2021 với nội dung bà có nhờ bà D vay của bà L 40 triệu đồng là do bà viết và ký tên.

Khi bà viết biên nhận nợ hoàn toàn không có sự chỉnh sửa số tiền vay thành 60 triệu đồng. Bà chỉ có viết biên nhận nợ với số tiền 40 triệu đồng, còn dòng chữ "nợ cũ còn lại 12.900.000 đồng" không phải do bà viết vì bà không có nợ số tiền này. Do biên nhận có sự chỉnh sửa và có sự viết thêm nội dung nên bà yêu cầu Toà án trưng cầu giám định đối với biên nhận nợ mà bà L cung cấp.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà trả số tiền 72.900.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L1 cho rằng, thời điểm đó do vợ chồng ông H, bà D phát sinh mâu thuẫn và bà D muốn giữ lại tiền cho riêng bà D nên khi bà D cho bà vay tiền thì bà D kêu bà viết biên nhận nợ ghi là mượn tiền của bà L. Hiện nay bà chỉ còn nợ bà Danh số tiền 20.000.000 đồng. Do vợ chồng bà D còn nợ tiền công xây nhà của chồng bà nên khi nào vợ chồng ông H, bà D trả tiền công xây nhà còn nợ cho bà thì bà sẽ trả cho bà Danh số tiền 20.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà L đòi bà trả số tiền 40.000.000 đồng theo số tiền ban đầu bà đã viết biên nhận thì bà không đồng ý trả vì bà không có vay tiền của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương D trình bày:

Bà là người giới thiệu bà L1 mượn tiền của bà Vũ Thị Ngọc L, bà L1 đã nhiều lần nhờ bà đứng ra giới thiệu để bà L1 mượn tiền của bà L, có lần 20.000.000 đồng, có lần 40.000.000 đồng, đến ngày 05/10/2021 bà tiếp tục giới thiệu cho bà L1 mượn tiền của bà L, bà L1 có làm biên nhận nợ cho bà L là

60.000.000 đồng, việc chỉnh sửa biên nhận là do bà L1 chỉnh sửa, bà có chứng kiến bà L giao cho bà L1 số tiền 60.000.000 đồng và cũng chứng kiến hai bên thống nhất số tiền mà trước đây bà L1 còn nợ tiền cũ là 12.900.000 đồng. Số tiền trên là bà L1 mượn của bà L, bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 294/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc L đối với bà Nguyễn Thị L1.

Buộc bà L1 có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay là 40.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà L1 trả số tiền 32.900.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 14/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Biên nhận ngày 05/10/2021 thể hiện, bà L1 vay tiền của bà L qua giới thiệu của bà D. Bà L1 kháng cáo cho rằng chỉ còn nợ bà D 20.000.000 đồng, không nợ bà L nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"* là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Phương D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Ngọc L số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Bà L1 kháng cáo cho rằng, bà không vay tiền của bà L, số tiền 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/10/2021 là do bà nhờ bà L vay của bà D nhưng bà D không thừa nhận. Mặt khác, biên nhận trên do bà L1 viết và ký tên có nội dung, bà L1 vay tiền của bà L thông qua giới thiệu của bà D.

Xét thấy, bà L1 không có chứng cứ chứng minh số tiền 40.000.000 đồng nêu trên là tiền vay của bà D và đã trả xong số nợ trên nên kháng cáo của bà là không có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà L1 không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466 và khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 294/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc L đối với bà Nguyễn Thị L1.

Buộc bà L1 có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay là 40.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà L1 trả số tiền 32.900.000 đồng.

3/ Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011863 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên bà đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà L số tiền 1.823.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0021686 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương